

Phương Pháp Xếp Hạng Tín Nhiệm: Công Ty Bảo Hiểm

Tháng 08/2025

Mục lục

Giới Thiệu	2
Thảo Luận Về Các Yếu Tố Đánh Giá Năng Lực Độc Lập	4
Các Xem Xét Khác	12
Đánh Giá Hỗ Trợ Của Công Ty Liên Kết.....	15
Hướng Dẫn Bậc Xếp hạng Trong Tỷ Trọng Tổn Thất Ước Tính.....	15
Đánh Giá Hỗ Trợ Và Can Thiệp Của Chính phủ	16
Quyết Định Kết Quả Xếp Hạng Tín Nhiệm Tổ Chức Phát Hành Và Công Cụ Nợ.....	16
Các Hạn Chế Chung Của Phương Pháp Xếp Hạng Tín Nhiệm	16

Giới Thiệu

Trong phương pháp luận xếp hạng tín nhiệm này¹, chúng tôi trình bày phương pháp tiếp cận chung trong việc đánh giá năng lực tài chính và công cụ nợ đối với các công ty bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam².

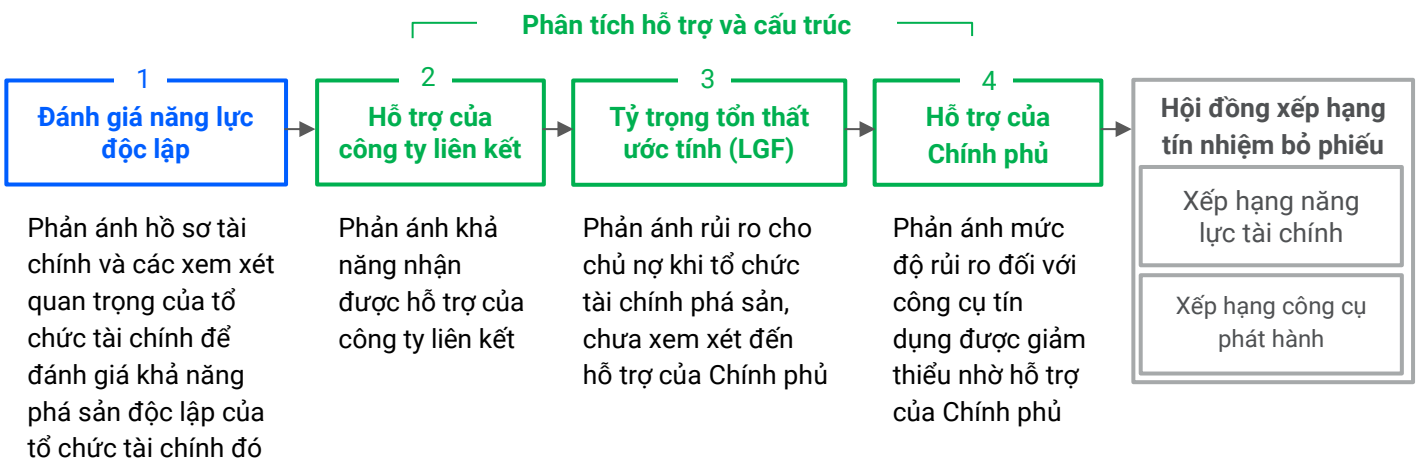
Theo phương pháp luận này, chúng tôi xây dựng cách thức đánh giá năng lực độc lập cho công ty bảo hiểm. Việc đánh giá độc lập phản ánh quan điểm của chúng tôi về năng lực tín nhiệm nội tại của công ty, chưa xét đến bất kỳ hỗ trợ nào từ công ty liên kết hoặc Chính phủ, một cách tương đối so với các tổ chức tài chính khác tại Việt Nam, và khả năng công ty cần sự hỗ trợ nhằm tránh mất khả năng thanh toán. Sau đó, chúng tôi sẽ kết hợp hỗ trợ của công ty liên kết, mà qua đó phản ánh quan điểm của chúng tôi về khả năng thanh toán nợ và công cụ nợ của công ty bảo hiểm với sự hỗ trợ từ công ty liên kết, và cuối cùng chúng tôi tính đến sự hỗ trợ của Chính phủ, phản ánh quan điểm của chúng tôi về khả năng nhận được sự hỗ trợ của Chính phủ trong trường hợp khó khăn.

Chúng tôi sẽ đề cập đến các yếu tố định tính và định lượng có khả năng ảnh hưởng đến kết quả xếp hạng trong các lĩnh vực này. Chúng tôi cũng sẽ đánh giá đến các yếu tố xem xét khác, là các yếu tố từ góc độ đánh giá tín nhiệm có thể rất khác nhau giữa các tổ chức tài chính hoặc có thể chỉ quan trọng trong một số trường hợp hoặc đối với một nhóm nhỏ các tổ chức. Chúng tôi cũng sẽ nêu phương pháp tiếp cận trong việc đánh giá tiềm năng hỗ trợ của công ty liên kết và Chính phủ. Thêm vào đó, vì xếp hạng tín nhiệm là các ý kiến hướng đến tương lai, chúng tôi thường đưa ra các quan điểm mang tính định hướng về các rủi ro và yếu tố giảm thiểu rủi ro một cách định tính. Chúng tôi quyết định kết quả xếp hạng tín nhiệm của công cụ nợ dựa vào ước tính của chúng tôi về mức độ tổn thất của công ty bảo hiểm.

Phần trình bày phương pháp xếp hạng tín nhiệm này của chúng tôi sẽ gồm thảo luận về (i) các yếu tố đánh giá năng lực độc lập và các xem xét khác; (ii) các đánh giá hỗ trợ của công ty liên kết; (iii) hướng dẫn bậc tín nhiệm trên cơ sở đánh giá tổn thất khi phát sinh rủi ro; (iv) đánh giá sự hỗ trợ và can thiệp của Chính phủ; (v) xác định kết quả xếp hạng năng lực tài chính và cấp công cụ nợ; và (vi) các giới hạn của phương pháp xếp hạng tín nhiệm.

SƠ ĐỒ 1

Phương pháp tiếp cận chung đối với xếp hạng tín nhiệm công ty bảo hiểm



Nguồn: VIS Rating

¹ Các phương pháp xếp hạng tín nhiệm mô tả khung phân tích mà các hội đồng xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating sử dụng để quyết định kết quả xếp hạng tín nhiệm. Các phương pháp nêu ra các yếu tố phân tích chính mà VIS Rating đánh giá là các yếu tố quan trọng nhất để xác định rủi ro tín dụng đối với lĩnh vực liên quan. Tuy nhiên, các phương pháp xếp hạng tín nhiệm này không phải là phương pháp xử lý duy nhất đối với tất cả các yếu tố được phản ánh trong các xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating.

² Tham khảo tài liệu Ký Hiệu và Định Nghĩa Xếp Hạng Tín Nhiệm của VIS Rating.

Thảo Luận Về Các Yếu Tố Đánh Giá Năng Lực Độc Lập

Trong mục này, chúng tôi sẽ trình bày phương pháp tiếp cận chung đối với các yếu tố định lượng được sử dụng để đánh giá chất lượng tín nhiệm khi tiến hành đánh giá năng lực độc lập. Chúng tôi sẽ đưa ra lý do vì sao mỗi yếu tố lại có ý nghĩa như là một chỉ số đánh giá năng lực độc lập của công ty bảo hiểm. Chúng tôi cũng xem xét các yếu tố liên quan đến hồ sơ tài chính của công ty bảo hiểm. Đối với từng yếu tố, chúng tôi sẽ đánh giá theo thang điểm gồm tám mức như sau: Rất Mạnh, Mạnh, Trên Trung Bình, Trung Bình, Dưới Trung Bình, Yếu, Rất Yếu, Cực kỳ Yếu. Trong phần tiếp theo, chúng tôi đánh giá các xem xét khác khi tiến hành đánh giá năng lực độc lập. Xếp hạng tín nhiệm của chúng tôi mang tính chất hướng đến tương lai và phản ánh kỳ vọng của chúng tôi về hiệu quả hoạt động và tài chính trong tương lai. Tuy nhiên, kết quả hoạt động trong quá khứ cũng hữu ích để hiểu thêm về các mô hình và xu hướng trong hiệu quả hoạt động của công ty cũng như để so sánh với các công ty cùng nhóm trong ngành.

Trừ khi có ghi chú khác, các tỷ lệ tài chính thường được tính toán trên cơ sở hàng năm hoặc kỳ 12 tháng. Tuy nhiên, các tỷ lệ này có thể được đánh giá qua nhiều kỳ. Ví dụ, hội đồng xếp hạng tín nhiệm có thể thấy cần thiết từ góc độ phân tích khi xem xét hiệu quả hoạt động trước đây và dự kiến trong tương lai trong khoảng thời gian vài năm trở lên, do các tỷ lệ tài chính có thể chịu tác động bởi các yếu tố như thay đổi dự kiến về các điều kiện kinh tế vĩ mô, biến động thị trường, môi trường kinh doanh cũng như các yếu tố cụ thể của từng công ty như rủi ro chiến lược, rủi ro quản trị và rủi ro nhân sự quan trọng, v.v. Trong các chỉ số tài chính, chúng tôi sẽ xem xét mức độ phản ánh thực trạng của báo cáo tài chính. Trường hợp chúng tôi tin rằng báo cáo tài chính không phản ánh đầy đủ thực trạng, chúng tôi có thể điều chỉnh các chỉ số tài chính tính toán từ báo cáo tài chính khi đánh giá, phân tích.

Phân tích của chúng tôi về đánh giá năng lực độc lập của một công ty bảo hiểm bao gồm các yếu tố chính liên quan đến hồ sơ kinh doanh và hồ sơ tài chính, đây là những chỉ số quan trọng phản ánh mức độ rủi ro mà công ty phải đối mặt và khả năng hấp thụ tổn thất.

SƠ ĐỒ 2

Các yếu tố xếp hạng tín nhiệm cơ bản

Chỉ tiêu đánh giá	Các xem xét khác	Đánh giá
Hồ sơ Kinh doanh	Vị thế thị trường, Thương hiệu và Kênh phân phối	Rất Mạnh
	Rủi ro Sản phẩm và Đa dạng hóa	Mạnh
	Chất lượng Tài sản	Trên Trung Bình
	An toàn Vốn	Trung Bình
	Khả năng Sinh lời	Dưới Trung Bình
Hồ sơ Tài chính	Mức độ đầy đủ Dự phòng / Quản lý Thanh khoản	Yếu
		Rất Yếu
		Cực Kỳ Yếu

Hồ sơ Kinh doanh

Vị thế thị trường, Thương hiệu và Kênh phân phối

Vị thế thị trường, thương hiệu và kênh phân phối là những yếu tố then chốt quyết định khả năng của một công ty bảo hiểm trong việc xây dựng và duy trì lợi thế cạnh tranh, đồng thời có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng sinh lời và tạo vốn của công ty. Một công ty bảo hiểm có vị thế thị trường vững mạnh, thương hiệu uy tín và năng lực phân phối hiệu quả sẽ có khả năng chống chịu tốt hơn trong điều kiện thị trường khó khăn kéo dài, cũng như tận dụng được các cơ hội kinh doanh, từ đó nâng cao khả năng thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong suốt các chu kỳ kinh tế.

Vị thế thị trường phản ánh những lợi thế bền vững của một công ty trong các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, bao gồm các yếu tố như thị phần, rào cản gia nhập ngành, quy mô hoạt động, khả năng kiểm soát giá và quản lý kênh phân phối. Thương hiệu của công ty thể hiện hình ảnh và danh tiếng của công ty trên thị trường, bao gồm mức độ nhận diện và cảm nhận của người tiêu dùng và các nhà phân phối đối với thương hiệu đó. Thương hiệu là yếu tố quan trọng thúc đẩy mức độ gắn bó của khách hàng, từ đó nâng cao hiệu quả duy trì khách hàng, giảm chi phí phân phối và khả năng bán chéo nhiều sản phẩm. Trong một số trường hợp, đối với nhóm khách hàng không sử dụng sản phẩm phổ thông, thương hiệu mạnh có thể giúp giảm chi phí phân phối, vì khách hàng sẵn sàng trả thêm cho các dịch vụ gia tăng giá trị như dịch vụ giải quyết quyền lợi bảo hiểm tốt hơn hoặc chuyên môn cao hơn trong thẩm định rủi ro. Ngoài ra, khả năng kiểm soát và tiếp cận các kênh phân phối của công ty bảo hiểm ảnh hưởng đến vị thế thị trường, khả năng tiếp cận các phân khúc khách hàng mục tiêu, tăng doanh thu, duy trì hoạt động kinh doanh và kiểm soát chi phí. Sự đa dạng trong các kênh phân phối cũng giúp giảm sự phụ thuộc vào một kênh bán cụ thể và hạn chế rủi ro gián đoạn trong hoạt động bán hàng.

Cách Chúng Tôi Đánh Giá

Khi đánh giá vị thế thị trường, thương hiệu và kênh phân phối của một công ty bảo hiểm, chúng tôi xem xét các chỉ số như tỷ lệ thị phần tương đối, tỷ lệ chi phí khai thác bảo hiểm, tính đa dạng và mức độ kiểm soát của công ty bảo hiểm với kênh phân phối. Nhìn chung, quy mô tương đối và tuyệt đối của một công ty trong thị trường bảo hiểm có mối liên hệ chặt chẽ với vị thế thị trường và thương hiệu của công ty đó, tuy nhiên quy mô tuyệt đối trở nên kém quan trọng hơn trong các thị trường có mức độ tập trung cao. Những công ty có quy mô lớn về tài sản, doanh thu phí bảo hiểm và quy mô vốn thường có sự hiện diện mạnh mẽ trên thị trường và khả năng kiểm soát giá cả, từ đó dẫn đến thị phần cao hơn. Ngược lại, các công ty nhỏ thường có vị thế thị trường yếu hơn. Việc nắm giữ thị phần đáng kể trong một phân khúc thị trường ngách có thể là điểm tích cực nếu công ty có năng lực quản lý rủi ro phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đó.

Các công ty có quy mô lớn về tài sản, doanh thu phí bảo hiểm và quy mô vốn thường có lợi thế cạnh tranh cao hơn. Lợi thế về quy mô liên quan đến khả năng khai thác thị phần bảo hiểm hiệu quả (đặc biệt trong các dòng sản phẩm phổ thông) thường mang lại khả năng kiểm soát giá và hiệu quả chi phí, từ đó hỗ trợ biên lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Tỷ lệ chi phí khai thác bảo hiểm thấp hơn so với các đối thủ cạnh tranh thường phản ánh khả năng kiểm soát chặt chẽ đối với phí bảo hiểm, năng lực quản lý của ban lãnh đạo, và có thể cho thấy việc ứng dụng công nghệ tiên tiến giúp tự động hóa quy trình hiệu quả hơn.

Việc một công ty bảo hiểm nhân thọ có khả năng kiểm soát kênh phân phối là chỉ dấu quan trọng về lợi thế cạnh tranh dài hạn, sức mạnh thương hiệu và mức độ tín nhiệm của công ty đó. Việc chấm điểm cho yếu tố này dựa trên hai yếu tố định tính: khả năng kiểm soát kênh phân phối và mức độ đa dạng của kênh phân phối.

Khi đánh giá hiệu quả phân phối của một công ty bảo hiểm, chúng tôi thường xem xét các kênh phân phối khác nhau và mức độ phù hợp của từng kênh đối với các sản phẩm được bán trong từng phân khúc khách hàng cụ thể. Khi đánh giá sự đa dạng trong phân phối, chúng tôi xem xét chiều sâu và độ phủ của các kênh phân phối; mức độ hấp dẫn của công ty đối với các kênh phân phối; khả năng mở rộng kênh phân phối một cách dễ dàng và hiệu quả; cũng như mức độ dễ bị gián đoạn nếu một kênh phân phối bị ảnh hưởng.

Các Chỉ Số Đánh Giá Và Các Yếu Tố Định Tính: Vị Thế Thị Trường, Thương Hiệu Và Kênh Phân Phối

Tỷ Lệ Thị Phần Tương Đối: Tổng Doanh Thu Phí Bảo Hiểm / Doanh Thu Phí Bảo Hiểm Trung Bình Ngành

Tỷ Lệ Chi Phí Khai Thác Bảo Hiểm: Tổng Chi Phí Khai Thác Bảo Hiểm / Doanh Thu Thuần Hoạt Động Kinh Doanh Bảo Hiểm (*Dành Cho công ty bảo hiểm phi nhân thọ*)

Mức Độ Kiểm Soát Và Sự Đa Dạng Kênh Phân Phối (*Dành cho công ty bảo hiểm nhân thọ*)

Rủi ro và tính đa dạng hóa của sản phẩm

Các lĩnh vực kinh doanh và mức độ đa dạng của danh mục sản phẩm của một công ty bảo hiểm có ảnh hưởng lớn đến hồ sơ rủi ro của công ty, vì từng dòng sản phẩm riêng lẻ có mức độ biến động và đặc điểm cạnh tranh khác nhau. Mức độ rủi ro của một sản phẩm thường không rõ ràng khi sản phẩm mới được chào bán, và nếu không được kiểm soát tốt, nó có thể gây ra những tác động bất lợi đáng kể đến khả năng sinh lời và khả năng đảm bảo vốn của công ty nếu rủi ro không được giảm thiểu.

Việc đa dạng hóa sản phẩm thành công có thể giúp giảm sự biến động trong lợi nhuận, vốn và dòng tiền của công ty bảo hiểm, đồng thời thúc đẩy việc sử dụng vốn một cách hiệu quả hơn.

Cách Chúng Tôi Đánh Giá

RỦI RO SẢN PHẨM:

Khi thực hiện đánh giá rủi ro tiềm ẩn trong cơ cấu kinh doanh của một công ty bảo hiểm, chúng tôi xem xét các dòng sản phẩm của công ty, bao gồm cả mức độ không chắc chắn liên quan đến việc ước tính tổng nghĩa vụ chi trả bồi thường. Những sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh có mức độ rủi ro sản phẩm cao thường phải đối mặt với sự biến động lớn hơn về lợi nhuận hoặc vốn.

Đối với lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, một danh mục sản phẩm gồm số lượng lớn hợp đồng bảo hiểm với hạn mức chi trả tương đối thấp so với vốn chủ sở hữu³ (ví dụ: bảo hiểm nhà ở hoặc bảo hiểm ô tô cá nhân) thường dẫn đến đánh giá tích cực hơn cho yếu tố này, vì nó có xu hướng ít biến động hơn so với danh mục kinh doanh có hạn mức chi trả lớn hơn và tập trung hơn, và do đó dễ chịu tổn thất nghiêm trọng hơn hoặc tổn thất lớn hơn do thiên tai gây ra. Chúng tôi cũng xem xét khoảng thời gian trung bình giữa thời điểm xảy ra tổn thất và giải quyết yêu cầu bồi thường – rủi ro đuôi. Những sản phẩm có rủi ro đuôi ngắn⁴ (ví dụ: tổn thất vật chất đối với ô tô hoặc yêu cầu bảo hiểm nhà ở) thường dẫn đến đánh giá tích cực hơn cho yếu tố này. Các dòng sản phẩm có thời gian xử lý ngắn giúp tăng độ chắc chắn trong việc ước tính chi phí bồi thường cuối cùng và nhìn chung ít gây ra các cú sốc lợi nhuận hơn so với các dòng sản phẩm có thời gian xử lý dài (ví dụ: yêu cầu bồi thường trách nhiệm pháp lý), vốn khó ước tính chi phí bồi thường cuối cùng hơn.

Đối với các công ty bảo hiểm nhân thọ, việc đánh giá rủi ro sản phẩm bao gồm cả việc xem xét tỷ lệ dự phòng liên quan đến các nghĩa vụ có rủi ro thấp so với tổng dự phòng bảo hiểm nhân thọ của

³ Tổng nghĩa vụ dự phòng không phản ánh rủi ro đã chuyển giao cho các công ty tái bảo hiểm

⁴ Đối với thị trường Việt Nam, chúng tôi thường xem xét các yêu cầu bồi thường có thời gian xử lý ngắn là được giải quyết trong vòng dưới 12 tháng, thời gian xử lý trung bình là từ một đến năm năm, và thời gian xử lý dài là từ năm năm trở lên.

công ty. Các công ty có tỷ lệ dự phòng lớn hơn dành cho các sản phẩm rủi ro thấp thường thể hiện mức độ biến động lợi nhuận thấp hơn so với những công ty có phần lớn dự phòng liên quan đến các sản phẩm rủi ro cao.

Các yếu tố góp phần tạo nên rủi ro sản phẩm bao gồm: thời hạn hợp đồng hoặc thời gian giải quyết yêu cầu bồi thường, rủi ro lãi suất, rủi ro tử vong, rủi ro bệnh tật hoặc tuổi thọ, rủi ro thanh khoản, rủi ro vỡ nợ tài sản hoặc rủi ro thị trường cổ phiếu, và các cam kết về giá hoặc lãi suất. Các sản phẩm có rủi ro thấp thường bao gồm các hợp đồng ngắn hạn với ít hoặc không có cam kết hay tùy chọn theo hợp đồng, và có thể bao gồm cả các sản phẩm có cơ chế chia sẻ rủi ro đáng kể, chuyển phần lớn rủi ro từ công ty bảo hiểm sang người mua bảo hiểm.

TÍNH ĐA DẠNG HÓA CỦA SẢN PHẨM:

Trong quá trình đánh giá định tính về mức độ đa dạng sản phẩm của một công ty bảo hiểm nhân thọ hoặc bảo hiểm phi nhân thọ, chúng tôi xem xét số lượng các dòng sản phẩm riêng biệt và có đóng góp đáng kể vào doanh thu, cũng như mức độ phụ thuộc lẫn nhau giữa doanh thu phí bảo hiểm và lợi nhuận của các dòng sản phẩm đó. Ví dụ, một công ty bảo hiểm có nhiều dòng sản phẩm riêng biệt, với mức độ phụ thuộc lẫn nhau thấp, thường thể hiện sự ổn định về lợi nhuận và dòng tiền, từ đó dẫn đến đánh giá tích cực hơn cho yếu tố này.

Chúng tôi cũng có thể xem xét liệu sản phẩm của công ty bảo hiểm là sản phẩm phổ thông hay sản phẩm có giá trị gia tăng. Các công ty phụ thuộc nhiều vào sản phẩm phổ thông có thể dễ bị mất khách hàng vào tay đối thủ cạnh tranh chỉ vì yếu tố giá cả. Ngược lại, các sản phẩm có giá trị gia tăng, chẳng hạn như bảo hiểm thương mại hoặc bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp được thiết kế riêng, có thể giúp đa dạng hóa danh mục sản phẩm của công ty và tăng khả năng giữ chân khách hàng.

Tuy nhiên, đa dạng hóa không phải lúc nào cũng là một điểm mạnh về tín nhiệm. Ví dụ, nếu một công ty tham gia vào các lĩnh vực kinh doanh mà không có đủ chuyên môn trong việc thẩm định rủi ro, chúng tôi có thể xem sự đa dạng hóa đó là một rủi ro tín nhiệm.

Các Yếu Tố Định Tính: Rủi Ro Và Tính Đa Dạng Hóa Sản Phẩm

Rủi Ro Sản Phẩm

Tính Đa Dạng Hóa Của Sản Phẩm

Hồ sơ tài chính

Chất lượng tài sản

Chất lượng tài sản là một chỉ số quan trọng phản ánh khả năng của công ty bảo hiểm trong việc quản lý mức độ rủi ro của danh mục tài sản đầu tư trước sự biến động của thị trường. Những thay đổi trong thị trường, đặc biệt là trong các giai đoạn khó khăn, có thể làm giảm giá trị tài sản, thu nhập và cuối cùng là nền tảng vốn của công ty.

Tài sản cốt lõi của các công ty bảo hiểm thường tập trung vào các khoản đầu tư tài chính có tính thanh khoản cao, nhưng trong nhiều trường hợp, các công ty vẫn phân bổ một phần danh mục đầu tư vào các tài sản có rủi ro cao hơn.

Các tài sản rủi ro cao bao gồm: cổ phiếu, trái phiếu có xác suất vỡ nợ tương đối cao, cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi, tài sản bất động sản, các khoản đầu tư phi truyền thống và các loại tài sản khác không được phân loại rõ ràng trên bảng cân đối kế toán.

Cách Chúng Tôi Đánh Giá

Khi đánh giá chất lượng tài sản, chúng tôi xem xét tỷ lệ giữa tài sản rủi ro cao của công ty bảo hiểm so với vốn chủ sở hữu. Các công ty có tỷ lệ tài sản rủi ro cao lớn hơn thường có khả năng gặp phải biến động về lợi nhuận hoặc vốn trong các giai đoạn thị trường căng thẳng.

Chúng tôi cũng có thể xem xét đến giá trị lợi thế thương mại, tài sản vô hình và các khoản phải thu từ tái bảo hiểm, phản ánh số tiền mà công ty bảo hiểm được nhận từ các công ty tái bảo hiểm cho các yêu cầu bồi thường đã phát sinh. Việc đánh giá rủi ro liên quan đến các khoản phải thu từ tái bảo hiểm dựa trên khả năng thu hồi đầy đủ và kịp thời các khoản tiền mà công ty tái bảo hiểm phải thanh toán.

Chỉ Số Đánh Giá: Chất Lượng Tài Sản

Chỉ Số Rủi Ro Tài Sản: Tài Sản Có Rủi Ro Cao / Vốn Chủ Sở Hữu

An toàn vốn

Mức độ đầy đủ của vốn của một công ty bảo hiểm là chỉ số quan trọng phản ánh quy mô bộ đệm vốn mà công ty có để chống chịu trước những biến động bất lợi của thị trường (ví dụ: do kết quả kinh doanh bảo hiểm không thuận lợi hoặc có sự sụt giảm lớn trong giá trị tài sản đầu tư). Mức độ đầy đủ của vốn cung cấp cái nhìn quan trọng về mức độ biến động tiềm ẩn liên quan đến hoạt động kinh doanh và bảng cân đối kế toán của công ty so với quy mô vốn hiện có.

Mức độ đầy đủ của vốn cũng phản ánh năng lực tài chính của công ty bảo hiểm trong việc đáp ứng các nghĩa vụ đối với khách hàng và duy trì mức vốn tối thiểu được yêu cầu bởi cơ quan quản lý. Các hạn chế về vốn cũng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng mở rộng kinh doanh và thực hiện chiến lược của công ty.

Cách Chúng Tôi Đánh Giá

Khi đánh giá mức độ đầy đủ của vốn, chúng tôi xem xét tỷ lệ đòn bẩy kinh doanh bảo hiểm gộp (Gross Underwriting Leverage – GUL) và tỷ lệ giữa vốn chủ sở hữu so với tổng tài sản. GUL cung cấp góc nhìn tổng quan về mức độ đầy đủ của vốn cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm của công ty.

Việc đánh giá tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản giúp phản ánh mức độ đầy đủ của vốn so với nghĩa vụ đối với người được bảo hiểm và các khoản nợ khác, cũng như khả năng chống chịu trước những biến động bất lợi về giá trị tài sản.

Chúng tôi điều chỉnh giảm một phần tài sản có rủi ro cao ra khỏi GUL và tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản để phản ánh ảnh hưởng của các tài sản này – những tài sản có khả năng kém thanh khoản, bị suy giảm giá trị hoặc phải bán lỗ trong các giai đoạn khó khăn.

Nhìn chung, GUL càng cao thì công ty càng gánh chịu nhiều rủi ro và khả năng vốn bị ảnh hưởng bởi biến động kết quả tài chính càng lớn. Ngược lại, nếu tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản càng thấp thì mức độ ảnh hưởng của biến động tài sản đến vị thế vốn của công ty càng lớn.

GUL và tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản là những chỉ số đơn giản, thường được kết hợp với đánh giá định tính về cơ cấu kinh doanh của công ty; do đó, hai chỉ số này hữu ích nhất khi so sánh giữa các công ty có cơ cấu kinh doanh tương đồng hoặc khi được sử dụng cùng với các chỉ số đánh giá vốn khác.

Chúng tôi cũng có thể xem xét thêm các chỉ số vốn khác, bao gồm các chỉ số về mức độ đầy đủ vốn theo quy định và khả năng thanh toán, nhằm bổ sung cho phân tích và phản ánh một khung đánh giá vốn đã điều chỉnh theo rủi ro.

Các Chỉ Số Đánh Giá: An Toàn Vốn

Đòn Bẩy Kinh Doanh Bảo Hiểm Gộp: (Doanh Thu Phí Bảo Hiểm + Dự Phòng Nghiệp Vụ Bảo Hiểm) / (Vốn Chủ Sở Hữu - 10% Tài Sản Có Rủi Ro Cao) (Dành Cho công ty bảo hiểm phi nhân thọ)

(Vốn Chủ Sở Hữu - 10% Tài Sản Có Rủi Ro Cao) / (Tổng Tài Sản - 10% Tài Sản Có Rủi Ro Cao) (Dành Cho công ty bảo hiểm nhân thọ)

Khả Năng Sinh Lãi

Chất lượng và tính bền vững của lợi nhuận của một công ty bảo hiểm là yếu tố quan trọng trong việc đánh giá năng lực tín nhiệm của công ty đó. Thu nhập là yếu tố quyết định chính đối với khả năng thực hiện các nghĩa vụ bảo hiểm và tài chính, đồng thời được xem là nguồn chính tạo vốn nội bộ. Việc đa dạng hóa sản phẩm và thị trường có thể giúp tạo ra nguồn thu nhập ổn định hơn, thúc đẩy sự tăng trưởng ổn định của vốn nội bộ và tăng cường khả năng chi trả các yêu cầu bồi thường của công ty bảo hiểm.

Cách Chúng Tôi Đánh Giá

Khi đánh giá khả năng sinh lời, chúng tôi sử dụng tỷ suất lợi nhuận trên vốn (ROC) và tỷ lệ Sharpe của tỷ suất lợi nhuận trên vốn - một chỉ báo về mức độ biến động trong lợi nhuận của công ty so với mức lợi nhuận trung bình.

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN TRÊN VỐN:

Tử số là thu nhập ròng (sau thuế) và mẫu số là nợ vay tài chính cộng vốn chủ sở hữu (trung bình trong 5 năm)

Thông thường, các công ty bảo hiểm có ROC cao hơn sẽ nhận được điểm ban đầu cao hơn đối với yếu tố này. Chúng tôi cũng thường xem xét các chỉ số khác có thể cung cấp thông tin chi tiết về tác động đến từ áp lực của cổ đông nhằm đạt được lợi suất trên vốn cao hơn.

Chúng tôi cũng có thể xem xét tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) kết hợp với đòn bẩy tài chính và cấu trúc pháp lý của công ty bảo hiểm. Mỗi quan hệ giữa khả năng sinh lời và đòn bẩy tài chính rất quan trọng vì các công ty bảo hiểm có thể sử dụng mức đòn bẩy nợ cao hơn để gia tăng ROE, do nền tảng vốn chủ sở hữu nhỏ hơn có xu hướng cải thiện chỉ số này, với các yếu tố khác giữ nguyên. Chúng tôi cũng có thể xem xét ROC bao gồm tổng số nợ (không chỉ là nợ vay tài chính) trong mẫu số, điều này có thể cung cấp những chỉ báo về tác động của nợ hoạt động được sử dụng nhằm nâng cao khả năng sinh lời.

Khi đánh giá ROC, chúng tôi xem xét riêng các khoản mục không thường xuyên vì những khoản này có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng sinh lời. Chúng tôi cũng đánh giá hiệu quả hoạt động khai thác bảo hiểm theo từng dòng sản phẩm, bởi một tỷ lệ ROC dương có thể phản ánh kết quả lẫn lộn hoặc che giấu các khoản lỗ từ nghiệp vụ bảo hiểm đang được bù đắp bằng thu nhập từ hoạt động đầu tư.

TỶ LỆ SHARPE CỦA TỶ SUẤT LỢI NHUẬN TRÊN VỐN:

Tử số là tỷ suất lợi nhuận trên vốn (trung bình trong 5 năm), và mẫu số là độ lệch chuẩn trong 5 năm của tỷ suất lợi nhuận trên vốn.

Tỷ lệ Sharpe của tỷ suất lợi nhuận trên vốn là một chỉ báo về mức độ biến động nội tại trong lợi nhuận của một công ty so với mức lợi nhuận trung bình, và giúp chúng tôi có thể dự phóng và đánh giá tính bền vững trong thu nhập của công ty.

Nói chung, công ty bảo hiểm có mức độ biến động lợi nhuận thấp hơn — được đo bằng tỷ lệ Sharpe cao — sẽ nhận được điểm số cao hơn đối với yếu tố này. Tỷ lệ này xét đến thu nhập ròng do việc tạo vốn của công ty bảo hiểm được thúc đẩy bởi thu nhập ròng. Tuy nhiên, việc điều chỉnh điểm số của chúng tôi có thể phản ánh việc lợi nhuận hoặc thua lỗ từ đầu tư và thuế — vốn được bao gồm trong thu nhập ròng — có thể mang tính biến động cao và khó dự đoán.

Chúng tôi thường sử dụng dữ liệu trong 5 năm để phản ánh tốt hơn các xu hướng dài hạn. Nếu tử số bằng không hoặc âm, tỷ lệ Sharpe sẽ không có ý nghĩa và không được tính vào điểm khả năng sinh lời. Tuy vậy, tỷ lệ Sharpe của lợi nhuận trên vốn vẫn hữu ích trong việc so sánh độ biến động lợi nhuận giữa các công ty với nhau và nhận diện xu hướng dựa theo cơ cấu hoạt động kinh doanh.

Các Chỉ Số Đánh Giá: Khả Năng Sinh Lời

Tỷ Suất Lợi Nhuận Trên Vốn (ROC): Lợi Nhuận Ròng / Nợ Vay Tài Chính + Vốn Chủ Sở Hữu (trung bình 5 năm)

Tỷ Lệ Sharpe Của ROC: ROC Trung Bình Năm Năm / Độ Lệch Chuẩn Của ROC Trong 5 Năm

Mức Độ Đầy Đủ Của Dự Phòng

(Chỉ áp dụng cho công ty bảo hiểm phi nhân thọ)

Mức độ đầy đủ của dự phòng⁵ cung cấp những chỉ báo quan trọng về khả năng chi trả các yêu cầu bồi thường của công ty bảo hiểm phi nhân thọ, vì việc dự phòng không đủ thường là nguyên nhân dẫn đến các vụ phá sản trong ngành. Mức độ đầy đủ của khoản dự phòng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động cũng như mức độ đủ vốn của công ty bảo hiểm. Việc dự phòng suy giảm có thể tác động lớn đến hồ sơ tài chính và sự linh hoạt của doanh nghiệp bảo hiểm, thể hiện qua sự suy giảm vốn và gia tăng tỷ lệ đòn bẩy hoạt động.

Cách Chúng Tôi Đánh Giá

Vì các công ty bảo hiểm thường không biết được chi phí thực tế của sản phẩm cho đến khi bán — thường là rất lâu sau đó — nên năng lực thẩm định rủi ro bảo hiểm tốt và lịch sử dự phòng ổn định là những yếu tố khác biệt quan trọng giữa các công ty bảo hiểm phi nhân thọ được xếp hạng cao và thấp. Do đó, việc giám sát tỷ lệ phí bảo hiểm, quy trình thẩm định và xử lý yêu cầu bồi thường là những yếu tố then chốt trong đánh giá của chúng tôi. Chúng tôi thường xem xét kết quả thẩm định bảo hiểm trong quá khứ (thường gắn với phân tích mức độ đầy đủ của dự phòng) và các quy trình thẩm định hiện tại có thể ảnh hưởng đến mức độ sinh lời trong tương lai.

Mặc dù kỹ thuật phân tích mức độ đầy đủ của dự phòng thường phức tạp, nhưng việc xem xét đơn giản sự thay đổi dự phòng tổn thất đầu kỳ — được định nghĩa là phần thay đổi dự phòng tổn thất của năm trước dưới dạng tỷ lệ phần trăm so với dự phòng đầu kỳ, vốn chủ sở hữu hoặc phí bảo hiểm của năm trước — thường cung cấp góc nhìn tổng quát cho các phân tích chi tiết hơn.

Khi đánh giá chuỗi thời gian của sự thay đổi số dư dự phòng tổn thất, chúng tôi thường đặt trọng số lớn hơn cho các giai đoạn gần đây hơn so với các giai đoạn trước đó. Các công ty được xếp hạng cao thường có mức tăng thay đổi dự phòng tổn thất thấp hơn so với các công ty có xếp hạng thấp. Chúng tôi cũng thường xem xét nguyên nhân gây ra sự thay đổi này và cố gắng đánh giá sự thay đổi trong quá khứ trên cơ sở đánh giá hiện tại về mức độ đầy đủ của dự phòng.

Các khoản nợ phải trả từ yêu cầu bồi thường có thời gian chi trả dài phụ thuộc nhiều vào ước tính chi phí tương lai để giải quyết yêu cầu, vốn mang tính bất định và có thể dẫn đến sự phát triển tiêu

⁵ Việc tính toán chỉ số này phụ thuộc vào mức độ sẵn có của thông tin do công ty được xếp hạng cung cấp. Trong trường hợp thông tin không có hoặc không đầy đủ, chúng tôi có thể sử dụng các chỉ số định lượng và định tính khác để đánh giá mức độ đầy đủ của dự phòng. Nếu vẫn không thể đánh giá đầy đủ dự phòng thông qua các chỉ số đó, chúng tôi sẽ áp dụng quan điểm thận trọng khi xem xét mức độ đầy đủ của dự phòng của công ty.

cực trong mức độ đầy đủ của dự phòng. Những công ty có lịch sử phát triển dự phòng với các năm xuất hiện sự phát triển tiêu cực đáng kể thường được xem là có sự giám sát yếu đối với quy trình dự phòng tổn thất.

Các Chỉ Số Đánh Giá: Mức Độ Đầy Đủ Của Dự Phòng

Thay Đổi Dự Phòng Tổn Thất (1 năm) / Dự Phòng Tổn Thất Ròng Đầu Kỳ (trung bình 5 năm có trọng số) (Dành cho công ty bảo hiểm phi nhân thọ)

Quản Lý Thanh Khoản và Tài Sản – Nợ Phải Trả (ALM)

(Chỉ áp dụng cho công ty bảo hiểm nhân thọ)

Khả năng quản lý hiệu quả thanh khoản và cân đối giữa tài sản – nợ phải trả là yếu tố then chốt quyết định việc một công ty bảo hiểm có thể đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn và dài hạn hay không. Đối với các công ty bảo hiểm nhân thọ, việc kiểm soát rủi ro thông qua việc cân đối kỳ hạn và dòng tiền giữa tài sản và nghĩa vụ nợ là cực kỳ quan trọng do phải đối mặt với những rủi ro kéo dài như biến động tỷ giá, kỳ hạn hợp đồng, lãi suất và rủi ro tái đầu tư. Bất kỳ dấu hiệu yếu kém nào trong khả năng chi trả các yêu cầu bồi thường của một công ty bảo hiểm đều có thể khiến người tham gia bảo hiểm đồng loạt hủy hợp đồng, dẫn đến việc tài sản của công ty bị suy giảm nhanh chóng và có thể kéo theo sự can thiệp của cơ quan quản lý hoặc dẫn đến tình trạng mất khả năng thanh toán.

Cách Chúng Tôi Đánh Giá

Khi đánh giá khả năng thanh khoản và quản lý tài sản – nợ phải trả của một công ty, chúng tôi xem xét mức độ tương thích giữa nghĩa vụ bảo hiểm và tài sản của công ty bảo hiểm.

Quá trình đánh giá của chúng tôi đối với công ty bảo hiểm nhân thọ thường bắt đầu bằng việc tìm hiểu hồ sơ và độ phức tạp của các nghĩa vụ phải trả, bao gồm các quyền chọn và điều khoản bảo đảm được tích hợp trong các khoản nợ đó.

Chúng tôi cũng thường xem xét cấu trúc và mức độ phức tạp của các nghĩa vụ này, đồng thời đánh giá mức độ phù hợp tổng thể giữa dòng tiền dự kiến của tài sản và nghĩa vụ. Việc đánh giá này có thể bao gồm phân tích mức độ nhạy cảm của các yếu tố đó với nhiều kịch bản kinh tế khác nhau, và tác động (tích cực hoặc tiêu cực) đến lợi nhuận và vốn của công ty. Đối với công ty bảo hiểm nhân thọ và hưu trí, chúng tôi sẽ cân nhắc các quyền hủy hợp đồng trong các sản phẩm bảo hiểm, các cam kết tài chính được tích hợp trong nghĩa vụ nợ của công ty, rủi ro tái đầu tư, rủi ro tuổi thọ, cũng như nhu cầu thanh khoản dự phòng hoặc ngoài bảng cân đối kế toán. Chúng tôi có thể áp dụng mức chiết khấu (haircut) đối với tài sản và nợ phải trả dựa trên đánh giá về tính thanh khoản hoặc độ biến động của chúng.

Nếu tính thanh khoản hoặc khả năng cân đối tài sản – nợ phải trả quá yếu, mức độ ảnh hưởng đến hồ sơ tín nhiệm độc lập của công ty bảo hiểm có thể nghiêm trọng hơn so với những gì tỷ lệ bao phủ thanh khoản phản ánh.

Các Chỉ Số Đánh Giá: Quản Lý Thanh Khoản và Tài Sản – Nợ Phải Trả

Tài Sản Thanh Khoản / Nợ Phải Trả Thanh Khoản (Dành cho công ty bảo hiểm nhân thọ)

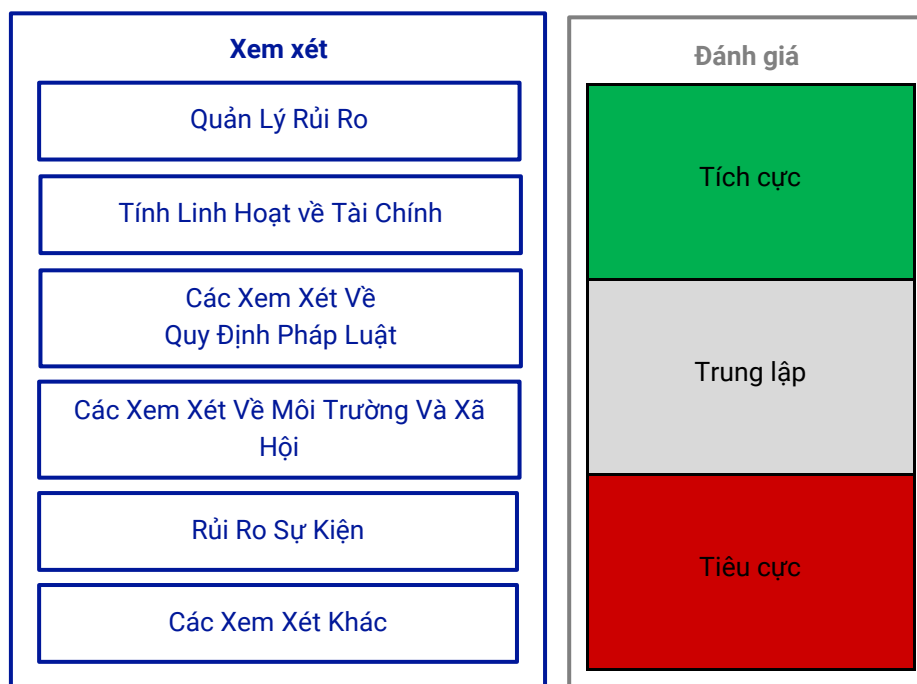
Các Xem Xét Khác

Khi thực hiện đánh giá năng lực độc lập của công ty bảo hiểm, chúng tôi có thể đánh giá các xem xét bổ sung chưa tích hợp trong hồ sơ đánh giá các yếu tố tín nhiệm cơ bản. Một số xem xét có thể quan trọng đối với tất cả các công ty trong ngành, trong khi các xem xét khác có thể chỉ quan trọng trong một số trường hợp nhất định hoặc đối với một nhóm nhỏ các công ty.

Dưới đây là một số ví dụ về các xem xét bổ sung có thể được phản ánh trong xếp hạng.

SƠ ĐỒ 3

Các xem xét khác



Nguồn: VIS Rating

Quản Lý Rủi Ro

Rủi ro nhân sự trọng yếu và việc quản trị, quản lý cũng như chiến lược của một công ty bảo hiểm cung cấp thông tin quan trọng về hồ sơ rủi ro của công ty đó. Việc mất đi một lãnh đạo cấp cao hoặc một nhóm lãnh đạo có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các yếu tố nền tảng trong tương lai của một công ty bảo hiểm hay thay đổi đột ngột trong ban điều hành, đội ngũ lãnh đạo chưa được kiểm chứng hoặc chiến lược thay đổi mang tính đột phá có thể làm gia tăng hồ sơ rủi ro của công ty bảo hiểm đó. Chúng tôi cũng có thể cân nhắc các rủi ro gắn liền với quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, sự phức tạp của việc định giá, nhân sự và công nghệ của một tổ chức trong phạm vi ngành nghề kinh doanh. Chúng tôi cũng thường xem xét mức độ rủi ro đến từ từng sản phẩm cụ thể có thể được giảm thiểu hoặc gia tăng bởi các chính sách hoặc thực tiễn quản lý rủi ro của công ty.

Các Xem Xét Về Quy Định Pháp Luật

Các công ty thuộc ngành bảo hiểm tại Việt Nam chịu sự quản lý, giám sát theo quy định pháp luật ở các mức độ khác nhau tùy thuộc vào sản phẩm các công ty đó cung cấp. Ngoài ra, các quy định có thể dẫn đến những hạn chế về hoạt động, chi phí cao hơn, hạn chế về công nghệ và thay đổi về nhu cầu.

Tính Linh Hoạt Về Tài Chính

Tính linh hoạt về tài chính là yếu tố then chốt thúc đẩy năng lực tín nhiệm và khả năng tự tin tiếp cận thị trường vốn của các công ty bảo hiểm. Yếu tố này giúp công ty bảo hiểm đáp ứng nghĩa vụ tài chính, xử lý các nhu cầu tài chính bất ngờ và huy động vốn phục vụ tăng trưởng hoặc hoạt động mua bán – sáp nhập. Khả năng linh hoạt tài chính mạnh thể hiện qua khả năng khai thác hiệu quả các nguồn vốn truyền thống và thay thế – bao gồm tái bảo hiểm và các công cụ tài chính cấu trúc – đi kèm với năng lực quản trị rủi ro hiệu quả. Chúng tôi đánh giá tính linh hoạt tài chính thông qua các chỉ số nợ và khả năng chi trả: tỷ lệ đòn bẩy, khả năng đáp ứng nghĩa vụ từ thu nhập và dòng tiền, cũng như năng lực tạo lợi nhuận và chi trả cổ tức.

Các công ty bảo hiểm sở hữu chỉ số thu nhập và chi trả mạnh thường có khả năng chống chịu tốt hơn và dễ dàng tiếp cận thị trường vốn. Ngược lại, khả năng tiếp cận thị trường vốn hạn chế – do đòn bẩy tài chính cao hoặc năng lực chi trả yếu – có thể làm suy giảm sự linh hoạt. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng phân tích các cơ chế hỗ trợ như hạn mức tín dụng dự phòng, nguồn vốn dự phòng tiềm năng và cấu trúc điều khoản ràng buộc. Những hạn mức tín dụng được cấu trúc chặt chẽ, ít bị hạn chế sẽ góp phần gia tăng sự linh hoạt về tài chính và củng cố năng lực tín nhiệm, đặc biệt là trong sự kiện thị trường khó khăn.

Các Xem Xét Về Môi Trường Và Xã Hội

Các yếu tố môi trường và xã hội có thể ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của các công ty bảo hiểm phi nhân thọ và nhân thọ tại Việt Nam. Các công ty bảo hiểm phi nhân thọ bị ảnh hưởng đáng kể từ biến đổi khí hậu, chủ yếu liên quan đến các rủi ro được bảo hiểm và ở mức độ thấp hơn là các khoản đầu tư. Rủi ro do biến đổi khí hậu chủ yếu phát sinh từ các thảm họa liên quan đến thời tiết và các yêu cầu bồi thường đối với hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm. Khả năng của các công ty bảo hiểm trong việc định giá lại rủi ro hàng năm phần nào giúp giảm thiểu rủi ro này.

Các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị thường có rủi ro sụt giá không cân xứng. Tuy nhiên, các xem xét về môi trường, xã hội và quản trị không phải lúc nào cũng tiêu cực, và trong trường hợp hiếm hoi các xem xét này có thể là nguồn thông tin để đánh giá năng lực tín nhiệm.

Rủi Ro Sự Kiện

Chúng tôi thừa nhận khả năng một sự kiện không mong muốn có thể gây suy giảm mạnh và đột ngột đến khả năng cơ bản thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ tài chính của một tổ chức tài chính. Các rủi ro sự kiện – vốn đa dạng, thường có xác suất thấp và ảnh hưởng lớn – có thể gây khó khăn cho ngay cả công ty có tiềm lực vốn mạnh và ổn định. Một số loại rủi ro sự kiện bao gồm mua bán và sáp nhập, bán tài sản, chia tách doanh nghiệp (spin-off), kiện tụng, đại dịch, các sự kiện tội phạm công nghệ cao nghiêm trọng và phân chia lợi nhuận cho cổ đông.

Kiểm Soát Và Công Bố Tài Chính

Chúng tôi dựa vào tính chính xác của các báo cáo tài chính đã được kiểm toán để quyết định và theo dõi kết quả xếp hạng tín nhiệm trong lĩnh vực này. Việc công bố thông tin tài chính phù hợp và kịp thời cũng như việc áp dụng thông tin tài chính một cách nhất quán cho thấy sự minh bạch và khả năng quản trị doanh nghiệp của công ty bảo hiểm cũng như việc tuân thủ các chính sách của công ty và các tiêu chuẩn theo quy định. Các báo cáo và nhận xét của kiểm toán viên, các bản lập lại bất thường của báo cáo tài chính hoặc sự chậm trễ trong việc báo cáo theo quy định có thể chỉ ra những điểm yếu trong kiểm soát nội bộ.

Lịch Sử Tài Chính Hạn Chế

Một hồ sơ thể hiện được tình trạng tài chính có thể là phương tiện để xây dựng niềm tin của khách hàng và thị trường, tạo ra giá trị thương hiệu và hỗ trợ hiệu quả hoạt động của công ty bảo hiểm trong giai đoạn khó khăn. Đối với những tổ chức tài chính không có đủ hồ sơ lịch sử tài chính ít nhất vài năm, các dự báo của chúng tôi có thể phản ánh triển vọng một cách thận trọng hơn so với các dự báo của ban lãnh đạo công ty.

Các Thước Đo Khác

Các chỉ số được đưa vào các yếu tố trong phương pháp luận là những chỉ số quan trọng nhất trong việc xếp hạng các công ty trong ngành này; tuy nhiên, chúng tôi có thể sử dụng thêm các chỉ số khác để hỗ trợ phân tích đối với từng công ty cụ thể.

Các Xem Xét Khác

Chúng tôi có thể đưa vào các yếu tố khác có ảnh hưởng đáng kể đến hồ sơ tín nhiệm của một công ty cụ thể. Ví dụ, có thể tồn tại các yếu tố bổ sung tuy không phổ biến trong ngành, nhưng lại có liên quan trong trường hợp của một công ty nhất định.

Đánh Giá Hỗ Trợ Của Công Ty Liên Kết

Khi chúng tôi đánh giá hỗ trợ từ các công ty liên kết, chúng tôi thường xem xét cả khả năng thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ nợ của bên đưa ra hỗ trợ và bên nhận hỗ trợ, bao gồm cả khả năng phá sản của tổ chức tài chính, năng lực và sự sẵn sàng của bên đưa ra hỗ trợ để cung cấp hỗ trợ kịp thời, và mức độ mà tổ chức hỗ trợ và tổ chức được hỗ trợ cùng dễ bị ảnh hưởng bởi các trường hợp bất lợi mà có thể làm suy yếu vị thế tài chính của họ. Chúng tôi cũng thường xem xét môi trường hoạt động tương ứng của tổ chức hỗ trợ và tổ chức được hỗ trợ. Ngoài ra, chúng tôi cũng thường đánh giá liệu các hành động của công ty liên kết có thể gây ra rủi ro bổ sung cho các chủ nợ của tổ chức tài chính được hỗ trợ hay không (ví dụ: yêu cầu phân bổ lớn hoặc các khoản vay hoặc bảo lãnh cho công ty mẹ).

Sự hỗ trợ rõ ràng thường do công ty mẹ cung cấp dưới hình thức bảo lãnh trực tiếp, thỏa thuận về giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc thỏa thuận duy trì vốn, thường nhằm mục đích chuyển chất lượng tín nhiệm của tổ chức hỗ trợ sang tổ chức được hỗ trợ. Loại hình hỗ trợ này, mặc dù hiếm khi xảy ra nếu không có sự hỗ trợ rõ ràng và có ý nghĩa, có thể giúp cân bằng chất lượng tín nhiệm của công ty được hỗ trợ với bên hỗ trợ. Khi đánh giá sự hỗ trợ rõ ràng, chúng tôi thường xem xét tính chất pháp lý cụ thể và khả năng áp dụng của sự hỗ trợ đó cũng như khả năng thanh toán kịp thời và khả năng có thể chấm dứt hỗ trợ đó.

Trường hợp công ty mẹ, công ty liên kết hoặc tổ chức hỗ trợ khác cung cấp hỗ trợ ngầm định, không ràng buộc về mặt pháp lý, chúng tôi đánh giá khả năng cung cấp hỗ trợ của tổ chức hỗ trợ và mức độ sẵn sàng hỗ trợ của họ. Đánh giá của chúng tôi về lợi ích đối với hồ sơ tín nhiệm của công ty bảo hiểm chủ yếu dựa trên đánh giá của chúng tôi về sức mạnh tài chính của tổ chức hỗ trợ, mức độ liên kết chiến lược và tích hợp hoạt động kinh doanh giữa tổ chức được hỗ trợ và tổ chức hỗ trợ, và/hoặc bằng chứng trước đây về ủng hộ. Ngược lại, chúng tôi cũng xem xét lực cản tín dụng tiềm ẩn đối với hồ sơ tín dụng của tổ chức được hỗ trợ có thể là do liên kết với công ty mẹ yếu kém về tài chính.

Hướng Dẫn Bậc Xếp Hạng Trong Tỷ Trọng Tổn Thất Ước Tính

Trong phương pháp tiếp cận tổng thể khi đánh giá rủi ro tín nhiệm đối với các công ty bảo hiểm của chúng tôi, bước đánh giá này xem xét ảnh hưởng khi công ty bảo hiểm phá sản – sau khi các công ty liên kết đã từ chối hỗ trợ hoặc hỗ trợ đã hết hiệu quả – đối với các nhóm công cụ nợ khác nhau của tổ chức tài chính đó và không bao gồm bất kỳ hỗ trợ nào của Chính phủ. Thông thường, chúng tôi ước tính ảnh hưởng của việc phá sản của tổ chức tài chính đối với các công cụ nợ khác nhau bằng cách áp dụng phương pháp bậc xếp hạng (notching) để đánh giá tỷ trọng tổn thất ước tính của tổ chức tài chính và không nhất thiết là do mất khả năng chi trả của tổ chức tài chính đó.

Trong phương pháp tiếp cận này, chúng tôi thường xem xét mức độ ưu tiên trả nợ và các đặc điểm cấu trúc khác của công cụ nợ. Xếp hạng tín nhiệm công cụ nợ cũng phản ánh quan điểm của chúng tôi về cách xử lý theo quy định pháp luật có khả năng xảy ra đối với tổ chức phát hành và công cụ nợ đó của tổ chức phát hành đó trong trường hợp phá sản và vốn của tổ chức phát hành, và đánh giá sự khác biệt tương đối về tổn thất dự kiến liên quan đến thứ tự ưu tiên trả nợ và tài sản thế chấp của một công cụ.

Phân tích của chúng tôi đối với các công ty tập đoàn xem xét sự phụ thuộc mang tính cấu trúc cũng như sự đa dạng hóa hoặc tập trung dòng tiền có sẵn đối với tập đoàn từ các công ty con và các thỏa thuận hỗ trợ riêng theo từng nhà phát hành.

Đánh Giá Hỗ Trợ Và Can Thiệp Của Chính Phủ

Phương pháp tiếp cận của chúng tôi để đánh giá hỗ trợ của Chính phủ đối với công ty bảo hiểm tương tự như đánh giá hỗ trợ của một công ty liên kết. Chúng tôi có tính đến khả năng và sự sẵn sàng của Chính phủ hoặc tổ chức công trong việc cung cấp hỗ trợ kịp thời và quan hệ phụ thuộc giữa công ty được hỗ trợ và Chính phủ hoặc tổ chức công có liên quan. Chúng tôi cũng thường xem xét các chính sách hoặc khuôn khổ quy định của Chính phủ hoặc cơ quan nhà nước, vai trò của công ty bảo hiểm đó trong thị trường tài chính cũng như tác động có thể có đối với thị trường xuất phát từ việc phá sản của công ty bảo hiểm.

Xếp hạng tín nhiệm của chúng tôi đối với các công ty bảo hiểm thường không phản ánh kỳ vọng về sự hỗ trợ của Chính phủ. Dựa trên các quan sát của chúng tôi, chúng tôi cho rằng sự hỗ trợ Chính phủ không phổ biến, không có căn cứ tin cậy hoặc không thể dự đoán về việc hỗ trợ của Chính phủ nên không thể tích hợp thường xuyên vào xếp hạng tín nhiệm đối với các công ty bảo hiểm Việt Nam. Đối với những trường hợp ngoại lệ, chúng tôi cho rằng sự hỗ trợ của Chính phủ có ý nghĩa và có tính chất lâu dài, chúng tôi áp dụng phương pháp tiếp cận được mô tả trong đoạn trên đây.

Quyết Định Kết Quả Xếp Hạng Tín Nhiệm Tổ Chức Phát Hành Và Công Cụ Nợ

Xếp hạng Tín nhiệm là những đánh giá về khả năng của một công ty bảo hiểm trong việc thanh toán đúng hạn các nghĩa vụ và yêu cầu bồi thường của chủ nợ được ưu tiên thanh toán trước cũng như các chủ nợ khác, đồng thời phản ánh mức độ tổn thất tài chính dự kiến nếu công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ của mình.

Sau khi đánh giá rủi ro hỗ trợ hoặc can thiệp của Chính phủ và ảnh hưởng của sự hỗ trợ hoặc can thiệp đó đối với các đánh giá sơ bộ cấp tổ chức phát hành và cấp công cụ nợ, chúng tôi thường quyết định kết quả xếp hạng tín nhiệm cấp tổ chức phát hành đối với tổ chức tài chính. Chúng tôi cũng có thể quyết định kết quả xếp hạng tín nhiệm cấp công cụ nợ.

Chúng tôi cũng có thể đưa ra kết quả xếp hạng tín nhiệm ngắn hạn. Trong trường hợp tổ chức phát hành có đủ khả năng thanh khoản nội tại, chúng tôi sẽ phiên xếp hạng tín nhiệm ngắn hạn từ xếp hạng tín nhiệm dài hạn⁶. Trong trường hợp chúng tôi cho rằng khả năng thanh khoản nội tại thấp hơn mức cần thiết (ví dụ, trong trường hợp khả năng thanh khoản nội tại sẽ không bao phủ được các nghĩa vụ đến hạn trong 12 tháng tới và việc tiếp cận thị trường tín dụng có thể khó khăn), kết quả xếp hạng tín nhiệm ngắn hạn có thể thấp hơn so với mức phiên ban đầu.

Các Hạn Chế Chung Của Phương Pháp Xếp Hạng Tín Nhiệm

Phương pháp xếp hạng tín nhiệm này không bao gồm mô tả đầy đủ về tất cả các yếu tố mà chúng tôi có thể xem xét khi quyết định kết quả xếp hạng tín nhiệm trong lĩnh vực này. Các công ty trong ngành có thể đối mặt với những rủi ro mới hoặc các nhóm rủi ro mới, và các công ty đó có thể xây dựng các chiến lược mới nhằm giảm thiểu rủi ro. Chúng tôi hướng đến tổng hợp tất cả các xem xét trọng yếu trong việc xếp hạng tín nhiệm và đưa ra nhận định theo góc độ dự báo tương lai trong phạm vi tối đa mà khả năng nhìn nhận các rủi ro và yếu tố giảm thiểu rủi ro này cho phép.

Kết quả xếp hạng phản ánh kỳ vọng của chúng tôi về hiệu quả hoạt động trong tương lai của một công ty bảo hiểm; tuy nhiên, khi khung thời gian dự báo càng dài, các yếu tố không chắc chắn tăng

⁶ Tham khảo tài liệu Ký Hiệu Xếp Hạng và Định Nghĩa của VIS Rating

lên, và tính hữu dụng của các ước tính chính xác thường giảm bớt. Trong hầu hết các trường hợp, các rủi ro ngắn hạn có ý nghĩa hơn đối với hồ sơ tín nhiệm của tổ chức phát hành và do đó có ảnh hưởng trực tiếp hơn đến việc xếp hạng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, ý kiến của chúng tôi về các xu hướng dài hạn hơn có thể tác động đến việc xếp hạng tín nhiệm.

Các thông tin được sử dụng khi đánh giá các yếu tố chính và yếu tố phụ thường căn cứ vào thông tin do công ty cung cấp, bao gồm các thông tin trong báo cáo tài chính cung cấp và các dữ liệu được công bố công khai, chẳng hạn như công bố của các cơ quan nhà nước. Chúng tôi cũng có thể sử dụng cả các thông tin không công bố công khai.

Mặc dù xếp hạng tín nhiệm của chúng tôi phản ánh cả khả năng xảy ra tình trạng mất khả năng chi trả đối với các khoản thanh toán đã cam kết theo hợp đồng và tổn thất tài chính dự kiến phải chịu trong trường hợp mất khả năng thanh toán, việc đánh giá độc lập và hướng dẫn Tỷ Trọng Tổn Thất Ước Tính (LGF) trong phương pháp xếp hạng tín nhiệm này chủ yếu nhằm nắm bắt các đặc điểm cơ bản của rủi ro tín dụng trên cơ sở liên tục. Khi một công cụ nợ bị suy giảm khả năng hoặc mất khả năng thanh toán hoặc rất có thể bị suy giảm khả năng hoặc dẫn đến mất khả năng thanh toán, việc xếp hạng thường bao gồm các xem xét bổ sung phản ánh kỳ vọng của chúng tôi đối với việc thu hồi nợ gốc và lãi, cũng như sự không chắc chắn xoay quanh kỳ vọng đó.

Các ý kiến dự báo tương lai của chúng tôi dựa trên các giả định mà, khi xem xét lại, có thể cho thấy là không chính xác. Lý do cho việc này có thể bao gồm những thay đổi ngoài dự kiến về các yếu tố sau đây: môi trường kinh tế vĩ mô, các điều kiện chung của thị trường tài chính, sự cạnh tranh trong ngành, công nghệ đột phá hoặc các hành động pháp lý và quản lý. Trong mọi trường hợp, dự báo tương lai sẽ tồn tại tính không chắc chắn đáng kể.

© 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP HẠNG TÍN NHỆM ĐẦU TƯ VIỆT NAM ("VIS RATING"). Đã đăng ký bản quyền.

Tập đoàn Moody's nắm giữ 49% tổng số cổ phần tại VIS Rating. Hai bên đã ký kết Thỏa thuận Dịch vụ Kỹ thuật mà theo đó, Tập đoàn Moody's cung cấp một số dịch vụ nhất định, bao gồm hỗ trợ kỹ thuật nghiệp vụ, cho VIS Rating. Để làm rõ, Tập đoàn Moody's không tham gia vào bất kỳ quy trình xếp hạng tín nhiệm hoặc nghiên cứu cụ thể nào của VIS Rating. Báo cáo này và các ý kiến được nêu trong đây chỉ phản ánh quan điểm độc lập của VIS Rating và không liên quan đến hay có bất kỳ đóng góp nào của bất kỳ tổ chức, giám đốc, cán bộ hoặc nhân viên nào của Tập đoàn Moody's.

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

XẾP HẠNG TÍN NHỆM CỦA VIS RATING LÀ CÁC QUAN ĐIỂM HIỆN TẠI CỦA CHÚNG TÔI VỀ RỦI RO TÍN NHỆM TƯƠNG ĐỐI TRONG TƯƠNG LAI CỦA CÁC TỔ CHỨC, NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC HOẶC VỀ BÊN PHÁT HÀNH CỦA CÁC LOẠI NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC ĐÓ TẠI VIỆT NAM VÀ CÁC TÀI LIỆU, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VÀ THÔNG TIN DO VIS RATING CÔNG BỐ (GỌI CHUNG LÀ "CÁC ẮN PHẨM") CÓ THỂ BAO GỒM CÁC QUAN ĐIỂM NHƯ VẬY. VIS RATING ĐỊNH NGHĨA RỦI RO TÍN DỤNG LÀ RỦI RO MÀ MỘT TỔ CHỨC KHÔNG THỂ ĐÁP ỨNG CÁC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG KHI CHÚNG ĐẾN HẠN VÀ BẤT KỲ TỔN THẤT TÀI CHÍNH ƯỚC TÍNH NÀO TRONG TRƯỜNG HỢP MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN HOẶC LỖ DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ. VUI LÒNG THAM KHẢO ẮN PHẨM VỀ CÁC KỸ HIỆU XẾP HẠNG VÀ ĐỊNH NGHĨA CỦA VIS RATING ĐỂ XEM CÁC THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG CÁC XẾP HẠNG TÍN NHỆM CỦA VIS RATING. BÊN CẠNH NHỮNG RỦI RO CƠ BẢN CẦN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM (BAO GỒM NGHỊ ĐỊNH 88/2014/NĐ-CP NGÀY 26 THÁNG 9 NĂM 2014 CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM) VỀ DỊCH VỤ XẾP HẠNG TÍN NHỆM TÙY TỪNG THỜI ĐIỂM, XẾP HẠNG TÍN NHỆM KHÔNG GIẢI QUYẾT BẤT KỲ RỦI RO NÀO KHÁC, BAO GỒM NHỮNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở RỦI RO THANH KHOẢN, RỦI RO GIÁ TRỊ CỦA TÀI SẢN HOẶC BIẾN ĐỘNG GIÁ CẢ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHỆM, ĐÁNH GIÁ KHÔNG PHẢI VỀ TÍN NHỆM ("CÁC ĐÁNH GIÁ"), VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC NÊU TRONG CÁC ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ DỮ KIẾN HIỆN TẠI HOẶC QUÁ KHỨ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING CHỈ NHẪM MỤC ĐÍCH THAM KHẢO VÀ KHÔNG CẤU THÀNH VÀ KHÔNG CUNG CẤP LỜI KHUYẾN ĐẦU TƯ HOẶC TÀI CHÍNH, VÀ CÁC XẾP HẠNG TÍN NHỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ VÀ KHÔNG CUNG CẤP KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ, GÓP VỐN, MUA, BÁN HOẶC GIỮ BẤT KỲ CÔNG CỤ NỢ HOẶC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH CỤ THỂ NÀO. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG BÌNH LUẬN VỀ TÍNH THÍCH HỢP CỦA VIỆC ĐẦU TƯ CHO BẤT KỲ NHÀ ĐẦU TƯ NÀO. VIS RATING ĐƯA RA XẾP HẠNG TÍN NHỆM, ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC QUAN ĐIỂM VÀ CÔNG BỐ CÁC ẮN PHẨM VỚI KỶ VỌNG VÀ HIỂU BIẾT RẰNG MỖI NHÀ ĐẦU TƯ SẼ, VỚI SỰ CẦN TRỌNG CẦN THIẾT, TỰ NGHIÊN CỨU VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ MỖI CHỨNG KHOÁN HOẶC CÔNG CỤ NỢ MÀ HỌ ĐANG XEM XÉT MUA, BÁN HOẶC GIỮ.

CÁC XẾP HẠNG TÍN NHỆM, CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC, VÀ ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP VÀ VIỆC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP SỬ DỤNG XẾP HẠNG TÍN NHỆM, ĐÁNH GIÁ, VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC HOẶC ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHI QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ LÀ KHÔNG CẦN TRỌNG VÀ KHÔNG PHÙ HỢP. NẾU KHÔNG CHẮC CHẮN, VUI LÒNG LIÊN HỆ VỚI CỔ VẤN TÀI CHÍNH HOẶC CỔ VẤN CHUYÊN NGHIỆP KHÁC CỦA BẠN.

TẤT CẢ CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY (BAO GỒM CẢ THÔNG TIN CỦA VIS RATING VÀ/HOẶC CÁC BÊN THỨ BA ĐÃ LI XĂNG CHO VIS RATING ĐƯỢC TÍCH HỢP CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY ("CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING")) ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO VỆ, BAO GỒM NHỮNG KHÔNG GIỚI HẠN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, VÀ KHÔNG MỘT THÔNG TIN NÀO, HOẶC MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ THÔNG TIN ĐÓ, ĐƯỢC SAO CHÉP, HOẶC BẰNG CÁCH KHÁC TẠO BẢN SAO, ĐỒNG GỒI LẠI, TRUYỀN DẪN, CHUYỂN NHƯỢNG, PHÁT TÁN, PHÂN PHỐI, PHẢN PHỐI LẠI HOẶC BÁN LẠI, HOẶC LƯU TRỮ LẠI ĐỂ SỬ DỤNG VỀ SAU CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH NÀO NHƯ VỪA NÊU, DƯỚI BẤT KỲ DẠNG NÀO HOẶC CÁCH THỨC NÀO HOẶC PHƯƠNG TIỆN NÀO, BỞI BẤT KỲ NGƯỜI NÀO MÀ KHÔNG CÓ SỰ CHẤP THUẬN TRƯỚC BẰNG VĂN BẢN CỦA VIS RATING HOẶC CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI BẤT KỲ BÊN NÀO NHƯ LÀ MỘT TIÊU CHUẨN VÌ KHÁI NIỆM NÀY ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA PHỤC VỤ CHO MỤC ĐÍCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO BẤT CỨ CÁCH NÀO MÀ CÓ THỂ DẪN TỚI VIỆC CHÚNG ĐƯỢC XEM NHƯ LÀ CÁC TIÊU CHUẨN.

Tất cả các thông tin được VIS Rating thu thập từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng chính xác và đáng tin cậy. Tuy nhiên, do có khả năng xảy ra lỗi của con người hoặc máy móc cũng như các yếu tố khác, tất cả các thông tin tại đây được cung cấp trên cơ sở "NGUYÊN TRẠNG" mà không có bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào. VIS Rating tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết để các thông tin chúng tôi sử dụng trong xếp hạng tín nhiệm có chất lượng và từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng đáng tin cậy bao gồm, khi thích hợp, các nguồn từ bên thứ ba độc lập. Tuy nhiên, VIS Rating không phải là công ty kiểm toán và không thể độc lập xác minh hoặc xác nhận các thông tin nhận được tại mọi thời điểm trong quá trình xếp hạng hoặc chuẩn bị các Ắn Phẩm của mình.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại gián tiếp, đặc biệt, là hậu quả hoặc là tổn thất, thiệt hại ngẫu nhiên nào phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không có khả năng sử dụng bất kỳ thông tin nào tại đây, ngay cả khi VIS Rating hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng hoặc nhà cung cấp của VIS Rating đã được tư vấn trước về khả năng xảy ra tổn thất hoặc thiệt hại đó, bao gồm nhưng không giới hạn: (a) mất lợi nhuận hiện tại hoặc dự kiến hoặc (b) các tổn thất và thiệt hại phát sinh khi các công cụ tài chính liên quan không phải là đối tượng của một xếp hạng tín nhiệm cụ thể do VIS Rating đánh giá.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại trực tiếp hoặc có tính chất bồi thường gây ra cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào, bao gồm nhưng không giới hạn bởi sự bất cẩn (nhưng ngoại trừ gian lận, cố tình làm sai hoặc các loại trách nhiệm khác mà, để tránh hiểu lầm, không thể bị loại trừ theo quy định pháp luật), của, hoặc do bất kỳ sự kiện bất ngờ trong hoặc ngoài khả năng kiểm soát của VIS Rating, hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp của VIS Rating, phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không thể sử dụng các thông tin đó.

KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGUY Ý, ĐỐI VỚI SỰ CHÍNH XÁC, ĐÚNG THỜI ĐIỂM, TÍNH HOÀN CHỈNH, KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI HOẶC TÍNH PHÙ HỢP CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH NÀO CỦA BẤT KỲ XẾP HẠNG TÍN NHỆM, ĐÁNH GIÁ, QUAN ĐIỂM HOẶC THÔNG TIN KHÁC ĐƯỢC VIS RATING ĐƯA RA HOẶC TẠO RA DƯỚI BẤT KỲ HÌNH THỨC HOẶC CÁCH THỨC NÀO.

VIS RATING CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH VÀ/HOẶC THAY ĐỔI CÁC ẮN PHẨM CỦA MÌNH TẠI BẤT KỲ THỜI ĐIỂM NÀO, VÌ BẤT KỲ LÝ DO GÌ. TUY NHIÊN, VIS RATING KHÔNG (VÀ KHÔNG CÓ Ý ĐỊNH) CAM KẾT CÓ NGHĨA VỤ CÔNG BỐ VIỆC BỔ SUNG, CẬP NHẬT HOẶC SỬA ĐỔI CÁC ẮN PHẨM CỦA MÌNH TRONG TƯƠNG LAI. NGƯỜI DÙNG TỰ CHỊU RỦI RO TRONG VIỆC SỬ DỤNG VÀ/HOẶC DỰA VÀO CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC VÀ ẮN PHẨM CỦA VIS RATING.

VIS Rating duy trì các chính sách và quy trình để đảm bảo sự độc lập trong các xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating và các quy trình xếp hạng tín nhiệm. Thông tin liên quan đến, bên cạnh các thông tin khác, các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating, bất kỳ thay đổi về tỷ lệ sở hữu nào của các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating và danh sách các tổ chức được xếp hạng với phí dịch vụ xếp hạng tín nhiệm chiếm trên 5% tổng doanh thu hoạt động xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating trong năm tài chính liên trước thời điểm công bố thông tin, được đăng tải tại <https://visrating.com> dưới tiêu đề "Thông Tin Doanh Nghiệp".



VIETNAM
INVESTORS SERVICE

Empowering Better Decisions